TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH NGHỆ AN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01 /2019/QĐST-DS	*Nghệ An, ngày 23 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
"V/v yêu cầu xác định quyền sở hữu,quyền sử dụng tài sản
trong khối tài sản chung để thi hành án"

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hà và ông Phạm Văn Phấn

Thư ký phiên họp: Ông Trương Tấn Hoàng-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2019 /TLPT-VDS, ngày 05 tháng 6 năm 2019, về việc: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, trong khối tài sản chung để thi hành án,theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐPT-VDS ngày 03/ 8/ 2019.

+Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phan Văn Ch, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Khối H, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

+Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị N, sinh năm 1970,

Anh Hoàng Huy Ch, sinh năm 1988 (con Bà Ng)

Anh Hoàng Huy L, sinh năm 1994 (con Bà Ng)

Địa chỉ: Khối T, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1989 (con Bà Ng)

Địa chỉ: Khối Hồng Hải, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

Cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1942 (mẹ Ông S chồng Bà Ng)

Địa chỉ: Khối H, phường Q, thị xã H, Nghệ An.

Bà Ng, anh Ch, anh L, chị V, cụ N và cụ H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu của ông Phan Văn Ch đề ngày 20/7/2016,tài liệu tại hồ sơ và tại phiên họp, có nội dung như sau:

Ngày 04/11/2014 Tòa án nhân dân thị xã H ban hành quyết định số 10/2014/QĐST-DS, công nhận sự thỏa thuận của đương sự: bà Bùi Thị N phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Phan Văn Ch và bà Phan Thị L số tiền là 95.000.000đ. Ngày 04/12/2015 ông Ch đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Ngày 07/12/2015 chi cục Thi hành án dân sự thị xã H đã ban hành quyết định thi hành án số 18/QĐ-CCTHADS để thi hành án đối với Bà Ng, và xác minh điều kiện thi hành án của Bà Ng: Bà Ng có nhà cấp 4 trên thửa đất 538, tờ bản đồ số 1, được cấp giấy CNQSD đất năm 1998, mang tên Hoàng Huy S, sinh năm 1967(chồng Bà Ng).

Ông Phan Văn Ch yêu cầu Tòa án xác định phần tài tài sản của Bà Ng được hưởng trong khối tài sản chung để có cơ sở kê biên thi hành án.

- Bà Bùi Thị N trình bày(tại hồ sơ): Bà kết hôn với ông Hoàng Huy S vào năm 1986. Năm 1987-1988, Ông S được chính quyền xã Q cấp cho một suất đất ở tiêu chuẩn con liệt sỹ, trên đường ra cảng cá, thuộc khối T. Do bố Ông S là cụ Hoàng Huy Hoành, là liệt sỹ. Ông S là con trai duy nhất chịu trách nhiệm thờ cúng liệt sỹ.

Cùng thời điểm được Nhà nước cấp đất thì Ông S bị ốm nặng, gia đình không có tiền để đi bệnh viện chữa bệnh. Nên Ông S bán suất đất này cho vợ chồng chú ruột là cụ Hoàng Huy Sỹ -cụ Hồ Thị Hải để có tiền đi chữa bệnh, và trích ra một phần để mua đất khác ở. Sau khi bán được đất cho cụ Sỹ thì vợ chồng mua được một suất đất ở gần bờ sông và làm nhà nhỏ ở tạm. Khi đó sống chung trong nhà, gồm mẹ chồng, các con bà.

Tháng 7/ 2001thì Ông S mất. Năm 2004 hoặc 2005 thì làm nhà mới cấp 4 đang ở như hiện nay. Khi đó làm nhà là công sức bà nội, mẹ con bà và sự giúp đỡ của người thân trong anh em bên chồng.

Bà Ng có 3 con chung với Ông S, gồm: Anh Hoàng Huy Ch, sinh năm 1988, anh Hoàng Huy L, sinh năm 1994, chị Hoàng Thị V, sinh năm 1989. Anh Ch và anh L lấy vợ sinh con đang ở chung với Bà Ng tại ngôi nhà nói trên. Còn chị V đã đi lấy chồng ở khối Hồng Hải.

Bà Ng cho rằng:

- Đất ở hiện nay có nguồn gốc từ đất chính sách liệt sỹ mà có. Không phải từ tiền công sức của vợ chồng bà (Ông S-Bà Ng) mua được. Nay bà đang phải thờ cúng bố chồng là liệt sỹ, thờ cúng chồng, và cả ông bà nội của Ông S.

- Nhà ở cấp 4 hiện đang ở là do bà cùng các con, và anh em người thân thích của Ông S giúp đỡ làm nên để có chỗ thờ cúng liệt sỹ và người thân trong gia đình. Hiện nay cả 3 thế hệ (gồm bà, 2 con trai, 2 con dâu, 3 cháu nội) cùng chung sống trong ngôi nhà này.

Vì thế, bà không đồng ý phân chia lấy đất và nhà ở để thi hành án. Còn tiền nợ ông Ch thì bà sẽ trả dần.

- Anh Hoàng Huy Ch, anh Hoàng Huy L, chị Hoàng Thị V trình bày (tại

hồ sơ): Các anh chị lớn lên, cùng với Bà Ng lao động làm ăn, xây dựng nhà cửa. Biết gia đình mình là gia đình chính sách, đất ở là có nguồn gốc của Ông S người chịu trách nhiệm thờ cúng ông nội là liệt sỹ. Các anh chị không biết việc nợ giữa Bà Ng với ông Phan Văn Ch, cũng không nghe Bà Ng nói vay tiền ông Ch làm gì cho gia đình. Vì thế, không đồng ý phân chia láy đất và nhà ở để thi hành án.

- Cụ Nguyễn Thị N trình bày(tại hồ sơ): cụ Nguyễn Thị N và cụ Hoàng Huy Hoành là bố mẹ đẻ của ông Hoàng Huy S (chồng bà Bùi Thị N). Ông Hoành đi bộ đội, hy sinh năm 1970, khi đó Ông S mới 3 tuổi. Cụ ở với vợ chồng Ông S khoảng vài năm thì cụ đi lấy chồng. Đất đai nhà cửa là do vợ chồng Ông S làm nên, cụ không đóng góp được gì. Ông S mất thì cụ cũng không yêu cầu gì đối với phần di sản của Ông S để lại. Còn việc xác định phần tài sản của Bà Ng để thi hành án trả nợ cho ông Ch thì đề nghị Tòa án giải quyết có tình có lý, vì Bà Ng đang rất khó khăn, hiện đang phải thờ cúng liệt sỹ, chồng và ông bà nội.

Với nội dung trên Quyết sơ thẩm số 01 ngày 19/4/2019 của Tòa án thị xã H đã quyết định. Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn Ch.

- Xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của bà Bùi Thị N trong khối tài sản chung để thi hành án, như sau:

+ Về đất ở: Bà Bùi Thị N được hưởng 60% giá trị của 152,7m^2 đất mang tên Hoàng Huy S, thửa số146, bản đồ số 9(Bản đồ năm 2017) tại khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

+ Về nhà ở: Bà Bùi Thị N được hưởng 1/4(Một phần tư) giá trị ngôi nhà cấp 4 đang ở trên thửa đất nói trên.

Ngoài ra Quyết định sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với quyết định nêu trên.

Ngày 26/4/2019, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị với nội dung: Cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu chưa đủ căn cứ giao cho Bà Ng được hưởng 60% giá trị thửa đất 152,7m^2 tại thửa số 146, tờ bản đồ số 9 theo bản đồ 2017 và xác định Bà Ng được hưởng 1/4 giá trị ngôi nhà theo sở hữu chung hợp nhất là không có căn cứ. Quyết định quyền kháng cáo cho đương sự vắng mặt không đầy đủ. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa quyết định nêu trên.

Tại phiên họp Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Người yêu cầu đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An và ý kiến của các đương sự, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An kháng nghị trong thời hạn luật định. Tại phiên họp đương sự vắng mặt, nhưng đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên tiến hành giải quyết vắng mặt, đối bà Bùi Thị N ngày 28/8/2019 đã viết bản tự khai đối với kháng nghị của Viện kiểm sát không nhất trí phân chia tài sản và xin xử vắng mặt nên chấp nhận xét xử vắng mặt Bà Ng.

[2] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Căn cứ yêu cầu của ông Phan Văn Ch yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của bà Bùi Thị N để thi hành án. Tài sản chung của Bà Ng gồm: Một thửa đất và một ngôi nhà cấp 4 tại khối T, phường Q, thị xã H thấy rằng:

Bà Bùi Thị N có 3 con chung với ông Hoàng Huy S, gồm: anh Hoàng Huy Ch, sinh năm 1988, anh Hoàng Huy L, sinh năm 1994, chị Hoàng Thị V, sinh năm 1989. Anh Ch và anh L lấy vợ sinh con đang ở chung với Bà Ng. Còn chị V đã đi lấy chồng năm 2011 ở khối Hồng Hải.

Có căn cứ chồng Bà Ng là ông Hoàng Huy S, là con liệt sỹ Hoàng Huy Hoành. Ông S mất năm 2001. Mẹ Ông S là cụ Nguyễn Thị N, sinh năm 1942. Theo hồ sơ chính sách tại UBND phường Q: Anh Hoàng Huy Ch là người thờ đứng tên thờ cúng liệt sỹ(ông nội). Anh Ch hưởng đang được hưởng chế độ thờ cùng liệt sỹ theo quy định.

+ Về đất ở: Hiện nay, Bà Ng cùng 02 con trai và 02 con dâu và các cháu đang sinh sống tại thửa đất 146, bản đồ số 9 (Bản đồ năm 2017), có diện tích trích đo thực tế năm 2017 là 152,7m^2. Giấy CNQSD đất mang tên ông Phan Huy S, sinh năm 1967 (chồng Bà Ng) ghi thửa số 538 là sai, mà thửa số 535 là đúng .Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm chưa yêu cầu đương sự bổ sung tài liệu là trích lục bản đồ địa chính, đã xác định thửa đất có diện tích thực tế 152,7m^2. Tại cấp phúc thẩm Tòa án đã yêu cầu đương sự bổ sung trích lục bản đồ địa chính đo vẽ thực tế phù hợp Biên bản xác minh tại UBND phường Q. Quá trình giải quyết vụ việc Bà Ng khai thửa đất này dùng tiền

bán thửa đất thuộc diện chính sách gia đình có công để mua nhưng Bà Ng không đưa ra chứng cứ để chứng minh.

Như vậy, đủ căn cứ xác định thửa đất số 146 tờ bản đồ số 9, diện tích 152,7m^2 là tài sản chung của vợ Ông S Bà Ng (Điều 651 BLDS), Vì thế, Ông S chết (tháng 7/2001) thì Bà Ng, anh Ch, anh L, chị V và cụ Nguyễn Thị N được quyền thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng đất phần của Ông S để lại.Cụ thể là:

Bà Ng được hưởng 1/2 giá trị đất, còn 1/2 giá trị đất còn lại là di sản thừa kế do Ông S để lại sẽ chia 5 phần, gồm: Bà Ng, anh Ch, anh L, chị V và cụ Nguyễn Thị N là đúng pháp luật.

Vì vậy: xác định phần giá trị đất mà Bà Ng được hưởng là:

1/2 giá trị đất+(1/5 x 1/2) giá trị đất=0,6= 60% giá trị đất.

+Về nhà ở:

Bà Ng xây dựng nhà ở (*nhà cấp 4 đang ở hiện nay trên thửa đất nói trên*) từ năm 2004-2005. Nhưng vay tiền của ông Ch năm 2013. Nên xác định không phải dùng tiền vay ông Ch để làm nhà. Mặc dù Bà Ng khai làm được nhà là có sự giúp đỡ của người thân, để có nơi thờ cúng liệt sỹ,thờ cúng Ông S và ông bà nội của Ông S. Nhưng có căn cứ ngôi nhà đó do mẹ con Bà Ng làm nên, có thời gian dài tôn tạo bảo quản và sử dụng.

Nên xác định ngôi nhà là tài sản thuộc sở hữu chung của bốn mẹ con Bà Ng, gồm: Bà Ng, anh Ch, anh L, chị V. Là sở hữu chung của các thành viên trong gia đình (theo Điều 210 BLDS). Do thời điểm xây dựng nhà các con của Bà Ng còn nhỏ nên công sức để xây dụng ngôi nhà phần lớn thuộc về Bà Ng nên xác định Bà Ng sở hữu 1/2 giá trị nhà là phù hợp.

Căn cứ khoản 1 Điều 372 BLTTDS thì trường hợp đương sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn tính từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Tuy nhiên, quyết định sơ thẩm nêu trên quyết định đối với đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết là không đầy đủ theo quy định của điều luật. Tòa cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ những chứng cứ phân tích nêu trên, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, sửa quyết định sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 375 BTTTDS; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An sửa quyết định sơ thẩm.

Khoản 9 điều 27; Điều 92; Điều 370 và Điều 149 BLTTDS; Điều 210; Khoản 1 điều 212; Điều 651 BLDS; Khoản 2 điều 66 luật HNGĐ;Khoản 1 Điều 37 NQ số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận yêu cầu của ông Phan Văn Ch.

Xác định phần quyền sở hữu, phần quyền sử dụng tài sản của bà Bùi Thị N trong khối tài sản chung để thi hành án, như sau:

+ Về đất ở: Bà Bùi Thị N được hưởng 60% giá trị của 152,7m^2 đất mang tên Hoàng Huy S, thửa số146, bản đồ số 9(Bản đồ năm 2017) tại khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An.

+ Về nhà ở: Bà Bùi Thị N được hưởng 1/2(Một phần hai) giá trị ngôi nhà cấp 4 đang ở trên thửa đất nói trên.

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: ông Phan Văn Ch phải chịu 300.000đồng tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000513, ngày 27 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H.

Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TA TX Hoàng Mai;
- Chi cục THA TX Hoàng Mai;
- VKS ND tỉnh;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hải Minh